

Số: 440/VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện miền Bắc 2

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện miền Bắc 2 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 01 năm 2019, từ trang 04 đến trang 24, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 31 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Ban Giám đốc đã quyết định điều chỉnh hồi tố số liệu báo cáo tài chính năm 2017, dẫn đến thay đổi một số số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác với báo cáo kiểm toán đề ngày 31 tháng 01 năm 2018 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0030-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 29 tháng 01 năm 2019
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Tiến Quốc
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3008-2019-001-1

1001
CÔ
CH NH
IEL
/IET
G DA

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		132.176.446.172	205.055.943.899
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	60.001.777.471	147.147.151.062
1. Tiền	111		4.152.851.061	122.147.151.062
2. Các khoản tương đương tiền	112		55.848.926.410	25.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	2.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		2.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		43.492.371.361	34.833.351.359
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	23.937.350.543	26.181.154.807
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	14.560.996.769	3.027.830.759
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	5.640.039.773	5.624.365.793
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(646.015.724)	-
IV. Hàng tồn kho	140	9	25.196.562.340	23.040.287.501
1. Hàng tồn kho	141		25.196.562.340	23.040.287.501
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.485.735.000	35.153.977
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	1.485.735.000	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	-	35.153.977
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.714.340.771.685	1.778.016.012.314
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		18.050.670.918	18.060.670.918
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	18.050.670.918	18.060.670.918
II. Tài sản cố định	220		1.670.095.596.345	1.743.570.284.992
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.670.095.596.345	1.743.570.284.992
- Nguyên giá	222		1.951.895.156.093	1.953.637.940.997
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(281.799.559.748)	(210.067.656.005)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		13.616.106.050	4.986.048.028
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	13.616.106.050	4.986.048.028
IV. Tài sản dài hạn khác	260		12.578.398.372	11.399.008.376
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	12.578.398.372	11.399.008.376
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.846.517.217.857	1.983.071.956.213

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

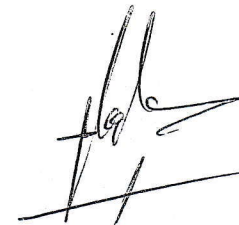
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

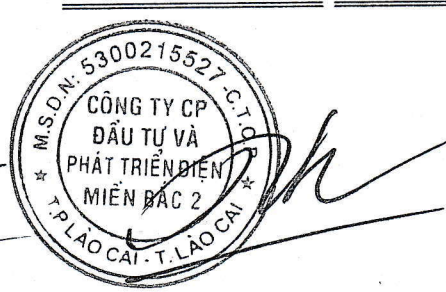
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN		Mã số Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ		300	1.206.188.947.847	1.318.212.302.714
I. Nợ ngắn hạn		310	122.448.533.423	113.953.235.341
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	4.670.645.363	4.880.013.103
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	8.135.323.806	6.215.757.160
3. Phải trả người lao động	314		9.340.084.330	4.955.733.040
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	1.341.499.184	3.849.433.194
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	9.602.642.757	3.952.489.798
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	89.184.000.000	89.184.000.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		174.337.983	915.809.046
II. Nợ dài hạn		330	1.083.740.414.424	1.204.259.067.373
1. Phải trả dài hạn khác	337	16	-	21.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	1.083.740.414.424	1.204.238.067.373
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		400	640.328.270.010	664.859.653.499
I. Vốn chủ sở hữu		410	640.328.270.010	664.859.653.499
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	19	499.939.607.633	499.939.607.633
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		499.939.607.633	499.939.607.633
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		14.388.399.680	14.388.399.680
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối			126.000.262.697	150.531.646.186
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		53.122.518.186	37.939.820.383
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		72.877.744.511	112.591.825.803
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.846.517.217.857	1.983.071.956.213


Nguyễn Thị Hiếu
Người lập biểu


Đinh Tuấn Anh
Kế toán trưởng


Ứng Hồng Vận
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 01 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

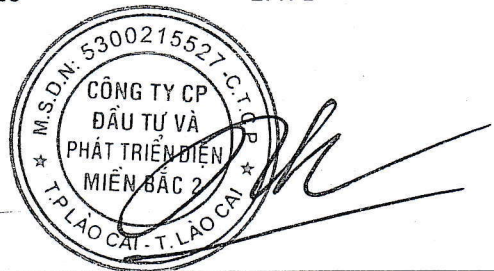
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số Thuyết minh		Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	384.765.048.720	389.212.949.325
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		384.765.048.720	389.212.949.325
4. Giá vốn hàng bán	11	21	108.125.758.475	105.014.867.637
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		276.639.290.245	284.198.081.688
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	2.677.138.906	1.308.431.019
7. Chi phí tài chính	22	24	116.114.358.056	134.831.398.894
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		116.038.439.935	134.154.591.571
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	32.057.161.250	29.169.238.221
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		131.144.909.845	121.505.875.592
10. Thu nhập khác	31		464.211.071	409.928.956
11. Chi phí khác	32	26	1.512.960.359	9.323.978.745
12. Lỗ khác (40=31-32)	40		(1.048.749.288)	(8.914.049.789)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		130.096.160.557	112.591.825.803
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	6.580.456.046	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		123.515.704.511	112.591.825.803
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	2.471	2.535


 Nguyễn Thị Hiếu
 Người lập biểu


 Đinh Tuấn Anh
 Kế toán trưởng


 Ứng Hồng Vận
 Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 01 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2Số 64B, Đường Phan Đình Phùng, Phường Phố Mới
Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam**MẪU SỐ B 03-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	130.096.160.557	112.591.825.803
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	71.731.903.743	71.466.491.234
Các khoản dự phòng	03	646.015.724	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(9.357.131)	270.494.962
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.667.781.775)	2.440.971.192
Chi phí lãi vay	06	116.038.439.935	134.154.591.571
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	315.835.381.053	320.924.374.762
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	2.743.378.539	(5.345.890.818)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(2.156.274.839)	(4.687.828.816)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	6.049.967.295	9.615.370.314
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(2.665.124.996)	331.979.385
Tiền lãi vay đã trả	14	(118.667.816.216)	(143.255.049.434)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.474.204.337)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(7.169.439.413)	(4.046.596.605)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	188.495.867.086	173.536.358.788
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(16.833.590.084)	(7.915.406.573)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.000.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	65.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.667.781.775	1.117.860.647
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(16.165.808.309)	58.202.454.074

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

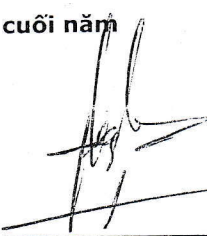
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

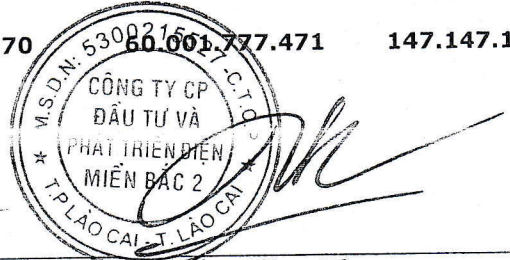
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	88.389.049.680
2. Tiền thu từ đi vay	33	18.586.347.051	48.241.150.132
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(139.084.000.000)	(230.969.441.388)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(138.977.779.419)	(27.103.178.380)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(259.475.432.368)	(121.442.419.956)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(87.145.373.591)	110.296.392.906
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	147.147.151.062	36.850.758.156
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	60.001.777.471	147.147.151.062


Nguyễn Thị Hiếu
Người lập biểu


Đinh Tuấn Anh
Kế toán trưởng


Ứng Hồng Vận
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 01 năm 2019